

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 112/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 22 – 11 – 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Quyên.
2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cúc là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:*** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2021/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Trần Văn M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Hồng G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị G có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thì vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2018 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi, vợ chồng

không còn quan tâm, chia sẻ nhau trong cuộc sống, không còn tình cảm yêu thương nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh và chị G đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh M nhận thấy không còn tình cảm với chị G nữa nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thanh T (giới tính: Nam), sinh ngày 28/8/2013, hiện con chung đang sống với chị G. Anh M thống nhất giao cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án*, bị đơn chị Nguyễn Hồng G trình bày: chị và anh M chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M gây nợ nần và không còn quan tâm gì đến gia đình, từ đó thường xảy ra cãi vã, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: có 01 con chung là cháu T, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa*, anh M và chị G vắng mặt.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh M được ly hôn với chị G. Về con chung: giao cháu T cho chị G nuôi dưỡng. Về án phí anh M phải chịu theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: bị đơn trong vụ án là chị Nguyễn Hồng G có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* Anh Trần Văn M là nguyên đơn, chị Nguyễn Hồng G là bị đơn trong vụ án đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Hồng G tiến đến hôn nhân vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp vào năm 2012. Căn cứ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh M và chị G phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, thường xảy ra tranh cãi, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ nhau trong cuộc sống. Anh M yêu cầu ly hôn, Tòa xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được mà sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Anh M yêu cầu ly hôn, chị G cũng đồng ý, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của anh M, cho anh M được ly hôn với chị G.

[5] *Về con chung:* Anh M và chị G có 01 con chung tên Trần Thanh T (giới tính: Nam), sinh ngày 28/8/2013 hiện đang sống với chị G. Tòa xét thấy: anh M không yêu cầu được quyền nuôi con mà thống nhất giao cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cháu T hiện đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Xét nguyện vọng của cháu T và xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng:* theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên do chưa có yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Hồng G.

2. Về con chung: giao cháu Trần Thanh T (giới tính: Nam), sinh ngày 28/8/2013 cho chị Nguyễn Hồng G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc anh Trần Văn M chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai thu số 0008796 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- UBND xã Tân Long, PH, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**

